



Original Article

The Impact of the Vietnam Bank for Social Policy Loans on the Ability to Escape Poverty in Poor Households in Trang Bom District, Dong Nai Province

Do Thi Minh Hue^{1,*}, Tran Phuong Thao¹, Le Dinh Hai¹, Pham Thi Hue Quyen²

¹*VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Transaction Office of Social Policy Bank of Trang Bom Town, Quarter 1, Trang Bom Town, Trang Bom District, Dong Nai, Vietnam*

Received 17 November 2020

Revised 12 December 2020; Accepted 12 December 2020

Abstract: Credit policy is an important component of Vietnam's national program of sustainable poverty reduction. In the 2011 - 2015 period, the Vietnam Bank for Social Policy implemented many preferential credit policies at sub-national levels. This study adopts a binary logistic regression model to evaluate the impact of the Vietnam Bank for Social Policy's loans on poor and near poor households in Trang Bom district, Dong Nai province in the above-mentioned period. The research results indicate that the Bank's loans have a significant and positive influence on poverty reduction.

Keywords: Vietnam Bank for Social Policy, loans, poor households, preferential credit.

* Corresponding author.

E-mail address: hueminh.249@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4441>

Tác động của việc vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội đến khả năng thoát nghèo của các hộ nghèo ở huyện Trảng Bom, Đồng Nai

Đỗ Thị Minh Huệ^{1,*}, Trần Phương Thảo¹, Lê Đình Hải¹, Phạm Thị Huệ Quyên²

¹Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Trảng Bom, Khu phố 1, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam

Nhận ngày 17 tháng 11 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 12 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 12 năm 2020

Tóm tắt: Chính sách tín dụng là một cấu phần quan trọng trong Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững của Việt Nam. Trong giai đoạn 2011-2015, Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đã thi hành nhiều chính sách tín dụng ưu đãi tại các địa phương. Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy logit nhị phân (Binary Logistic Regression) nhằm đánh giá tác động của việc vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội đến cơ hội thoát nghèo của các hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn kể trên. Kết quả nghiên cứu khẳng định nguồn vốn cho vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội có ảnh hưởng quan trọng và tích cực đến giảm nghèo.

Từ khóa: Ngân hàng Chính sách Xã hội, vay vốn, hộ nghèo, tín dụng ưu đãi.

1. Đặt vấn đề và tổng quan nghiên cứu

Chính sách tín dụng là một cấu phần quan trọng trong chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Việt Nam. Trong những năm qua, hệ thống chính sách tín dụng ưu đãi không ngừng được hoàn thiện, tạo điều kiện cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quá trình đó không thể không kể tới sự ra đời của Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) với nhiệm vụ chuyên biệt là cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn. Bằng cách tập trung các nguồn vốn tín dụng có nguồn gốc từ ngân sách

nhà nước vào một đầu mối, tách tín dụng ưu đãi ra khỏi ngân hàng thương mại, hệ thống NHCSXH đã góp phần không nhỏ trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội. Các chương trình tài chính vi mô đó được các nhà kinh tế phát triển đánh giá là công cụ hữu hiệu và mạnh mẽ để xóa đói giảm nghèo [1-4].

Cụ thể, nghiên cứu của Kasali và cộng sự (2015) thực hiện tại Nigeria cho rằng nếu các tổ chức tài chính vi mô tiếp cận được với người nghèo thì sẽ giúp họ nâng cao năng suất lao động, có khả năng mua sắm cơ sở vật chất và các phương tiện cần thiết phục vụ đầu tư hiệu quả [1]. Điều này có tác động tích cực đến việc giảm nghèo, bởi người nghèo không thiếu tính chủ động, mà họ chỉ bị hạn chế về mặt tài chính. Chính phủ của nhiều quốc gia đã sử dụng biện pháp tài chính vi mô này thông qua các ngân hàng tài chính vi mô, đặc biệt ở khu vực nông thôn, nơi tập trung nhiều người nghèo nhất, và đã mang lại những khoản viện trợ quan

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hueminh.249@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4441>

trọng có thể cải thiện hoạt động kinh tế của người nghèo. Bài toán đặt ra ở đây là chúng có tiếp cận được đúng đối tượng hay không. Trong 2 cuộc khảo sát thực hiện năm 1991-1992 và 1998-1999 tại Bangladesh, Khandker và Shahid (2001) chỉ ra những người nghèo nhận sự trợ giúp từ các tổ chức tài chính vi mô có thu nhập bình quân đầu người, chỉ tiêu bình quân đầu người và giá trị ròng của hộ gia đình cao hơn hẳn so với những người không nhận sự trợ giúp [2]. Remenyi và cộng sự (2000) cũng khẳng định tín dụng là một công cụ mạnh mẽ để giảm nghèo dựa vào tự lực, như một quyền thiết yếu của con người [3]. Wright (2000) khẳng định đóng góp của tài chính vi mô vào việc giảm nghèo, nâng cao vị thế phụ nữ, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục cho người nghèo trên toàn thế giới [4].

Tuy nhiên, trong công tác giảm nghèo, nguồn vốn sản xuất kinh doanh chỉ là một yếu tố hỗ trợ. Không phải cứ tiếp cận được nguồn vốn là người nghèo có khả năng thoát khỏi tình trạng nghèo khó [5]. Các nghiên cứu của Bùi Văn Trinh, Nguyễn Thị Thùy Phương (2014) và Nguyễn Thị Xuân Hương, Dương Thị Bích Diệu (2018) chỉ ra rằng hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng cao hay thấp phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như lượng vốn vay, tỷ lệ vốn sử dụng vào sản xuất, diện tích đất, các đặc tính của chủ hộ (giới tính, tuổi, học vấn,...) [5, 6].

Do đó, việc đo lường tác động của vay vốn các NHCSXH đến khả năng giảm và thoát nghèo của các hộ nghèo, cận nghèo là cần thiết để tìm ra các giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của nguồn vốn cho vay hộ nghèo và đưa ra các quyết định đầu tư tín dụng ưu đãi có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu được thực hiện để phân tích cụ thể tác động của các chương trình tài chính vi mô đối với việc giảm nghèo, đặc biệt ở các vùng nông thôn của các nước đang phát triển [1].

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu đánh giá tác động của việc vay vốn các NHCSXH đến khả năng thoát nghèo của các hộ nghèo ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp đề ra các giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của nguồn vốn

cho vay hộ nghèo đến công tác giảm nghèo bền vững của NHCSXH ở cấp địa phương, cũng như đóng góp cho các nghiên cứu về tài chính vi mô ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập qua việc khảo sát điều tra thực tế thông qua bảng hỏi và phương pháp chuyên gia, phỏng vấn trực tiếp các hộ nghèo vay vốn chương trình hộ nghèo của NHCSXH và các hộ nghèo không tham gia chương trình vay vốn, tính trong giai đoạn 2011-2015. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, cân đối theo tỷ lệ 50/50 giữa số hộ vay vốn và không vay vốn (do đặc trưng của việc ứng dụng mô hình logit được trình bày ở phần sau), thực hiện tại 17 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Dung lượng mẫu khảo sát: tổng số 238 hộ, trong đó có 119 hộ nghèo vay vốn và 119 hộ nghèo không vay vốn. Số hộ thoát nghèo là 158 hộ và số hộ không thoát nghèo là 80 hộ.

Sự phân bổ lượng phiếu điều tra tại các xã, thị trấn được trình bày cụ thể trong Bảng 1.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Nhằm ước lượng tác động của nguồn vốn cho vay hộ nghèo từ NHCSXH huyện Trảng Bom đến việc giảm nghèo, cụ thể là khả năng thoát nghèo của các hộ gia đình, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy trên cơ sở các số liệu thống kê, các dữ liệu thu thập cũng như tính toán được từ quá trình khảo sát và phần mềm kinh tế lượng chuyên dụng IBM SPSS 23 để xác định các nhân tố ảnh hưởng, áp dụng phương pháp phân tích bằng mô hình hồi quy logit nhị phân.

Bên cạnh khả năng tiếp cận nguồn vốn, mức sống và hiệu quả sử dụng vốn của hộ nghèo còn chịu tác động bởi các nhân tố khác như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, đặc điểm nhân khẩu, diện tích đất,... [5-9]. Vì vậy, nghiên cứu đưa thêm các nhân tố phi vốn làm biến kiểm soát để đánh giá chính xác hơn về tác động của nguồn vốn NHCSXH.

Bảng 1. Phân bổ phiếu điều tra tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

STT	Tên xã, thị trấn	Số phiếu	
		Hộ nghèo vay vốn NHCSXH	Hộ nghèo không vay vốn NHCSXH
1	Thị trấn Trảng Bom	7	7
2	Hố Nai 3	7	7
3	Bàu Hàm	7	7
4	Giang Điền	7	7
5	Đôi 61	7	7
6	An Viễn	7	7
7	Cây Gáo	7	7
8	Sông Trầu	7	7
9	Quảng Tiến	7	7
10	Bắc Sơn	7	7
11	Bình Minh	7	7
12	Tây Hòa	7	7
13	Trung Hòa	7	7
14	Đông Hòa	7	7
15	Hưng Thịnh	7	7
16	Sông Thao	7	7
17	Thanh Bình	7	7
	Tổng	119	119

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo điều tra của nhóm tác giả.

Mô hình được sử dụng để kiểm tra các giả thuyết là mô hình hồi quy logit nhị phân, có dạng:

$$\begin{aligned} \text{Log} [P/(1-P)] = & \beta_0 + \beta_1*(\text{Gioitinh}) + \\ & \beta_2*(\text{Tuoi}) + \beta_3*(\text{Nhankhau}) + \beta_4*(\text{Phuthuoc}) + \\ & \beta_5*(\text{Hocvan}) + \beta_6*(\text{Nghech}) \\ & + \beta_7*(\text{Vaynh}) + \beta_8*(\text{DTdat}) + \beta_9*(\text{Khuyenn}) \end{aligned} \quad (1)$$

Trong đó:

i) P: Xác suất hộ gia đình rơi vào nhóm hộ thoát nghèo.

ii) Biến phụ thuộc: Biến nhị phân (Thoatngheo) thể hiện hai trạng thái: thoát nghèo (1) và không thoát nghèo (0).

iii) Biến độc lập gồm các nhân tố ảnh hưởng đến việc thoát nghèo của các hộ nghèo.

iv) Gioitinh: Giới tính của chủ hộ.

v) Tuoi: Tuổi của chủ hộ.

vi) Nhankhau: Số lượng nhân khẩu của hộ.

vii) Phuthuoc: Số người sống phụ thuộc có trong hộ.

viii) Hocvan: Trình độ học vấn của chủ hộ, cụ thể là số năm đi học của chủ hộ.

ix) Nghech: Cho biết chủ hộ làm việc trong khu vực nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp.

x) Vaynh: Cho biết hộ có vay vốn từ ngân hàng hay không.

xi) DTdat: Tổng diện tích đất bình quân của hộ, gồm: đất thổ cư, đất nông nghiệp và đất khác (đơn vị: m²).

xii) Khuyenn: Cho biết sự tham gia vào các hoạt động khuyến nông của địa phương của chủ hộ.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm cơ bản của các hộ được khảo sát

Đặc điểm cơ bản của các hộ khảo sát được thể hiện qua Bảng 3.

Kết quả từ Bảng 3 cho thấy một đặc điểm nổi bật của các chủ hộ gia đình là trình độ học vấn của 100% số chủ hộ tham gia trả lời khảo sát đều nhỏ hơn 12, tức là 100% các hộ nghèo trong mẫu đều chưa học hết cấp trung học phổ thông (Bảng 4).

Bảng 2. Mô tả các biến và kỳ vọng dấu

Tên biến	Diễn giải	Căn cứ chọn biến	Kỳ vọng dấu
<i>Biến phụ thuộc</i>			
Thoatngheo	Biến nhị phân, nhận giá trị bằng 1 nếu hộ thoát nghèo, nhận giá trị bằng 0 trong trường hợp ngược lại		
<i>Biến độc lập</i>			
Gioitinh	Biến nhị phân, nhận giá trị bằng 1 nếu chủ hộ là nữ, nhận giá trị bằng 0 nếu chủ hộ là nam	Phan Thị Nữ (2012)	(-)
Tuoi	Tuổi của chủ hộ (đơn vị: tuổi)	Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011) Trần Thị Thanh Tú và Hoàng Hữu Lợi (2014)	(-)
Nhankhau	Số lượng nhân khẩu của hộ (đơn vị: người)	Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011) Trần Thị Thanh Tú và Hoàng Hữu Lợi (2014)	(-)
Phuthuoc	Số lượng người phụ thuộc trong hộ (đơn vị: người)	Phan Thị Nữ (2012)	(-)
Hocvan	Trình độ học vấn (số năm đi học) của chủ hộ (đơn vị: năm)	Phan Thị Nữ (2012); Trần Thị Thanh Tú và Hoàng Hữu Lợi (2014); Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011)	(+)
Nghech	Biến nhị phân cho biết nghề nghiệp của chủ hộ, nhận giá trị bằng 1 nếu chủ hộ làm việc trong khu vực nông nghiệp, nhận giá trị bằng 0 nếu chủ hộ làm việc trong khu vực phi nông nghiệp	Phan Thị Nữ (2012); Trần Thị Thanh Tú và Hoàng Hữu Lợi (2014)	(+)
Vaynh	Biến nhị phân cho biết hộ có được vay vốn từ ngân hàng hay không, biến nhận giá trị bằng 1 nếu được vay, nhận giá trị bằng 0 nếu không được vay	Phan Thị Nữ (2012); Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011)	(+)
DTdat	Tổng diện tích đất bình quân của hộ (đơn vị: m ²)	Trần Thị Thanh Tú và Hoàng Hữu Lợi (2014)	(+)
Khuyenn	Biến nhị phân cho biết sự tham gia vào các hoạt động khuyến nông của chủ hộ. Biến nhận giá trị bằng 1 nếu tham gia, nhận giá trị bằng 0 nếu không tham gia	Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011)	(+)

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả qua các nghiên cứu cùng lĩnh vực.

Bảng 3. Thống kê mô tả các hộ điều tra theo các tiêu chí định lượng

Biến số	Tổng số hộ điều tra	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Sai số tiêu chuẩn
Tuổi chủ hộ (tuổi)	238	27	97	54,72	14,40
Số nhân khẩu của hộ (người)	238	1	13	4,68	1,77
Số người phụ thuộc trong hộ (người)	238	0	7	2,87	1,31
Trình độ học vấn của chủ hộ (số năm đi học)	238	1	11	7,06	2,35
Diện tích đất bình quân của hộ (m ²)	238	187,5	6000,0	1193,69	722,15

Nguồn: Thống kê từ số liệu điều tra thực hiện trên phần mềm SPSS 23.

Bảng 4. Thống kê mô tả các hộ điều tra theo các tiêu chí định tính

Nội dung	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	
Giới tính chủ hộ	Nam	133	55,9
	Nữ	105	44,1
	Tổng	238	100,0
Nghề nghiệp của chủ hộ	Phi nông nghiệp	98	41,2
	Nông nghiệp	140	58,8
	Tổng	238	100,0
Hộ vay vốn NHCSXH	Không vay	119	50,0
	Có vay	119	50,0
	Tổng	238	100,0
Tham gia các hoạt động khuyến nông	Không tham gia	148	62,2
	Có tham gia	90	37,8
	Tổng	238	100,0
Tham gia các hoạt động	Có tham gia	90	37,8
	Tổng	238	100,0
Thoát nghèo	Không thoát nghèo	80	33,6
	Thoát nghèo	158	66,4
	Tổng	238	100,0

Nguồn: Thống kê từ số liệu điều tra thực hiện trên phần mềm SPSS 23.

Kết quả từ Bảng 4 cho thấy có đến 58,8% số hộ gia đình được khảo sát có sinh kế chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, và đa số các hộ nghèo (62,2%) không tham gia các hoạt động khuyến nông của địa phương.

Kết quả từ Bảng 5 cho thấy các biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến xác suất thoát nghèo của hộ nghèo tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai gồm: Số nhân khẩu của hộ (Nhankhau), Số người phụ thuộc trong hộ (Phuthuoc), Nghề

ngiệp của chủ hộ (Nghech), Trình độ học vấn của chủ hộ (Hocvan), Việc hộ được vay vốn từ NHCSXH (Vaynh), Diện tích đất bình quân của hộ (Dt-dat) và Sự tham gia các hoạt động khuyến nông của địa phương (Khuyenn).

3.2. Kết quả ước lượng mô hình nghiên cứu (Bảng 5)

4. Thảo luận

Kết quả kiểm định mô hình tổng thể từ Bảng 5 cho thấy:

- Mức ý nghĩa của kiểm định Omnibus ($\text{Prob} > \chi^2 = 0,0000$) $< \alpha = 0,05$. Như vậy, mô hình luôn tồn tại với mức ý nghĩa thống kê 5%.

- Hệ số Nagelkerke $R^2 = 0,523$ cho biết các biến được đưa vào trong mô hình này giải thích

được 52,3% sự biến động của biến phụ thuộc, còn lại 47,7% là do các yếu tố tác động khác chưa được nghiên cứu trong mô hình này. Như vậy mô hình hồi quy là tương đối phù hợp.

- Độ chính xác về dự báo của mô hình đạt 80,3%.

Với kết quả phân tích dựa vào hệ số chênh (Exp(B)), thứ tự tầm quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến xác suất thoát nghèo của hộ gia đình được sắp xếp như sau: i) Nghề nghiệp của chủ hộ (Nghech); ii) Việc hộ được vay vốn NHCSXH (Vaynh); iii) Sự tham gia vào các hoạt động khuyến nông (Khuyenn); iv) Số người phụ thuộc trong hộ (Phuthuoc); v) Số nhân khẩu của hộ (Nhankhau); vi) Trình độ học vấn của chủ hộ (Hocvan); và vii) Diện tích đất bình quân của hộ (DT-dat).

Bảng 5. Tóm tắt kết quả ước lượng mô hình nghiên cứu

Biến độc lập	Hệ số (β)	Độ lệch chuẩn (S.E.)	Mức ý nghĩa (P- Value)	Tỷ số chênh	Tầm quan trọng của biến
Hằng số	-7,613	1,609	0,000	0,000	
Gioitinh	0,206	0,393	0,600	1,229	
Tuoi	0,019	0,014	0,162	1,019	
Nhankhau	1,584	0,354	0,000***	4,876	
Phuthuoc	-1,709	0,436	0,000***	5,525	
Nghech	-2,694	0,640	0,000***	14,706	
Hocvan	0,462	0,090	0,000***	1,587	
Vaynh	2,351	0,454	0,000***	10,498	
DT-dat	0,001	0,000	0,005**	1,001	
Khuyenn	1,825	0,530	0,001**	6,205	

Biến số phụ thuộc:	Thoatngheo (1 = Thoát nghèo; 0 = Không thoát nghèo)	
Dung lượng mẫu:	238	
Kiểm định Omnibus χ^2	12,702	***
Cox & Snell R^2	0,337	
Nagelkerke R^2	0,523	
Độ chính xác của mô hình dự báo	80,3%	

Ghi chú: *** Mức ý nghĩa $< 0,001$; ** Mức ý nghĩa $< 0,05$; * Mức ý nghĩa $< 0,1$.

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả trên phần mềm SPSS 23.

Kết quả cho thấy hệ số hồi quy của các biến độc lập trong mô hình bao gồm (Phuthuoc, Nghech) mang dấu âm, cho thấy tác động ngược chiều (tiêu cực) đến khả năng thoát nghèo của hộ. Nếu số người phụ thuộc trong hộ nghèo tăng lên và chủ hộ làm nông nghiệp thay vì các ngành nghề khác thì xác suất thoát nghèo của hộ sẽ thấp hơn và ngược lại.

Mặt khác, hệ số hồi quy của các biến Vaynh, Khuyenn, Hocvan, DTdat mang giá trị dương cho thấy tác động cùng chiều (tác động tích cực) đến khả năng thoát nghèo của hộ. Cụ thể, nếu hộ nhận được vốn vay từ NHCSXH tại địa phương, khả năng thoát nghèo của hộ sẽ cao hơn. Việc tham gia các hoạt động khuyến nông của địa phương cũng giúp các hộ nâng cao khả năng thoát nghèo. Số năm đi học của chủ hộ cũng như diện tích đất bình quân mà hộ sở hữu càng cao, cơ hội thoát nghèo càng lớn. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đó [7-9].

Tuy nhiên, biến Nhankhau cũng có hệ số hồi quy dương, nghĩa là số lượng nhân khẩu có tác động tích cực đến khả năng thoát nghèo, khác với kết quả của các nghiên cứu trước [7, 9]. Điều này có thể lý giải là do những nghiên cứu này được tiến hành với các hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số, nơi điều kiện đất đai, vốn sản xuất, khoa học kỹ thuật cũng như trình độ học vấn, khả năng tiếp cận cơ hội còn hạn chế, nên số lao động trong gia đình nhiều cũng không giúp cải thiện thu nhập của hộ [9]. Trong khi đó, điều kiện phát triển ở huyện Trảng Bom khá tốt. Hiện nay trên địa bàn huyện có 4 khu công nghiệp và 8 cụm công nghiệp địa phương đã và đang được xây dựng, đồng nghĩa với nhu cầu lao động và cơ hội việc làm lớn. Các hộ gia đình có nhiều nhân khẩu hơn thì khả năng có nhiều lao động đóng góp vào thu nhập gia đình cũng cao hơn.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc hộ nghèo nhận được vốn vay ưu đãi từ NHCSXH có tác động rất lớn đến cơ hội giảm nghèo của hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu, chỉ sau

nhân tố nghề nghiệp của chủ hộ. Các nhân tố khác cũng góp phần tăng cơ hội thoát nghèo cho các hộ gia đình gồm: việc tham gia các hoạt động khuyến nông của địa phương, số lượng nhân khẩu trong gia đình, số năm đi học của chủ hộ cũng như diện tích đất bình quân mà hộ sở hữu. Nhân tố số người phụ thuộc và việc chủ hộ làm nông nghiệp thay vì các ngành nghề khác có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng thoát nghèo của hộ.

Như vậy, có thể khẳng định việc cho vay vốn tín dụng ưu đãi của NHCSXH đem lại tác động tích cực tới việc giảm nghèo ở địa phương. Nghiên cứu cũng góp phần khẳng định vai trò của tài chính vi mô trong công tác giảm nghèo ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Các cơ quan ban ngành cần khuyến khích, tuyên truyền cũng như có nhiều chương trình định hướng để người dân tích cực tham gia và sử dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng.

Tài liệu tham khảo

- [1] T.A. Kasali, S.A. Ahmad, L.H. Ean, "Does microfinance operation have effect on poverty alleviation in Nigeria?", *European Journal of Contemporary Economics and Management* 2(2) (2015) 54-69.
- [2] Khandker, Shahid, "Does Microfinance Really Benefit the Poor? Evidence from Bangladesh", Presented at Asia and Pacific Forum on Poverty: Reforming Policies and Institutions for Poverty Reduction organized by ADB, Manila, 2001.
- [3] Remenyi, Joe and Quinones, Benjamin, *Microfinance and Poverty Alleviation: Case studies from Asia and the Pacific*, New York 79 (2000) 131-134.
- [4] Wright, A.N. Graham, *Microfinance Systems: Designing Quality Financial Services for the Poor*, Zed Books Ltd. London & New York, and the University Press Limited, Dhaka, 2000.
- [5] N.T.X. Huong, D.T.B. Dieu, "Factors affecting the efficiency of capital use for poor households from the Social Policy Bank of O Mon district, Can Tho city", *Journal of Forest Science and Technology* 3 (2018) 39-45.
- [6] B.V. Trinh, N.T.T. Phuong, "Analysis of factors affecting the efficiency of loan use: The case of poor households in Soc Trang province",

- Development and Integration Journal 19(29) (2014) 87-94.
- [7] N.Q. Nghi, B.V. Trinh, "Factors influencing the income of minority ethnic groups in the Mekong Delta", *Journal of Science* 18a (2011) 240-250.
- [8] P.T. Nu, "Evaluate the impacts of credit on poor reduce in rural of Vietnam", Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities 72(3) (2012) 215-224.
- T.T.T. Tu, H.H. Loi, "Study the impact of credit access on the living standards of poor households in the Northwest of Vietnam", *The 9th Seminar on Public Policy and Development*, 2014, <http://dl.ueb.vnu.edu.vn/handle/1247/9372> (accessed 1 August 2020).